

PATH TO THE FUTURE



Picture and logos

SELLING POINTS

- Tấm nền Rapid IPS – Đem đến thời gian phản hồi 0,5ms (GtG, Tối thiểu), tối ưu màu sắc và độ sáng hiển thị trên màn hình.
- Tốc độ quét hình 300Hz – Phản hồi nhanh hơn với khung hình mượt mà hơn.
- Thời gian phản hồi 0,5ms (GtG, Tối thiểu) – Loại bỏ hiện tượng xé hình và giật hình.
- AI Vision – Công nghệ AI Vision mới không chỉ có thể hiển thị chi tiết ở vùng tối mà còn tăng cường độ sáng tổng thể và độ bão hòa màu sắc.
- Giảm ánh sáng xanh – Sử dụng giải pháp phần mềm để giảm phát xạ ánh sáng trong vùng xanh tím của quang phổ ánh sáng xanh.



1. 5-Way Navigator
2. AC-in
3. 2x HDMI™ 2.0b (FHD@240Hz)
4. DisplayPort 1.4a
5. Headphone-out
6. Kensington Lock



SPECIFICATION

Model	Part No	9S6-3BC24M-031
	Color	ID1/Black-Black
Display	Screen Size	24.5" (62.23cm)
	Active Display Area (mm)	543.744(H) x 302.616(V)
	Curvature	Flat
	Panel Type	Rapid IPS
	Resolution	1920x1080 (FHD)
	Pixel pitch (mm)	0.2832(H)x0.2802(V)
	Aspect Ratio	16:9
	Dynamic Refresh Rate technology	Adaptive-Sync
	Dynamic Refresh Rate Activated Range	48~300Hz
	HDR (High dynamic range)	HDR Ready
	SDR Brightness (nits)	250
	Contrast Ratio	1000:1
	DCR (Dynamic Contrast Ratio)	100000000:1
	Signal Frequency	53.28~333 KHz(H) / 48~300 Hz(V)
	Refresh Rate	300Hz
	Response Time (MPRT)	1ms(MPRT)
	Response Time (GTG)	0.5ms
	View Angles	178°(H)/178°(V)
	NTSC (CIE1976 area percentage/overlap)	105%/81%
	NTSC (CIE1931 area percentage/overlap)	79%/71%
	sRGB (CIE1976 area percentage/overlap)	120%/97%
	sRGB (CIE1931 area percentage/overlap)	113%/98%
	Adobe RGB (CIE1976 area percentage/overlap)	103%/87%
	Adobe RGB (CIE1931 area percentage/overlap)	75%/76%
	DCI-P3 (CIE1976 area percentage/overlap)	90%/90%
	DCI-P3 (CIE1931 area percentage/overlap)	83%/81%
	Rec.709 (CIE1976 area percentage/overlap)	120%/97%
	Rec.709 (CIE1931 area percentage/overlap)	113%/98%
	Rec.2020 (CIE1976 area percentage/overlap)	69%/69%
	Rec.2020 (CIE1931 area percentage/overlap)	59%/59%
	Surface Treatment	Anti-glare
	Display Colors	1.07B
	Color bit	10 bits (8 bits + FRC)
I/O Ports	Headphone-out	1
	Card reader	N/A
	Lock type	Kensington Lock
	Speaker	2x 2W
	HDMI	2
	HDMI version	2.0b
	HDMI HDCP version	2.3
	DisplayPort	1
	DisplayPort version	1.4a
	DisplayPort HDCP version	2.3
Warranty	Warranty	36M
Power	Power Type	Power Cable
	Power Input	100~240V, 50/60Hz
	On-mode Power Consumption (KWh/1000h)	18
	Annual Energy Consumption (KWh)	26
	Standby-mode Power Consumption (W)	0.5
	Off-mode Power Consumption (W)	0.3
	Energy Efficiency Rating	E
	Power Cord Type	C13



MÀN HÌNH

MAG 255PXF

MAG 255PXF

In The Box	DisplayPort Cable	1
	HDMI Cable	0
	DVI Cable	0
	USB Type A to Type B Cable	0
	USB Type C to Type A Cable	0
	USB Type C to Type C Cable	0
	Thunderbolt Cable	0
	VGA Cable	0
	3.5mm audio Cable	0
	3.5mm combo audio Cable	0
	3.5mm Mic Cable	0
	Power Cord	1
	AC Adaptor	0
	Quick Guide	1
	Warranty Card	0
	Mouse Bungee Unit	0
Design	Adjustment (Tilt)	-5° ~ 20°
	Adjustment (Swivel)	-30° ~ 30°
	Adjustment (Height)	0 ~ 130 mm
	Adjustment (Pivot)	-90° ~ 90°
	VESA Mounting	100x100mm
Dimension & Weight (product)	Product Dimension with Stand (WxDxH) (mm)	557.1 x 227.9 x 511.9
	Product Dimension without Stand (WxDxH) (mm)	557.1 x 66.4 x 326.9
	Stand Dimension (WxDxH) (mm)	308.5 x 227.9 x 411.3
	Weight (Net kg)	5.3
	Weight Without Stand (kg)	2.87
Dimension & Weight (box)	Inside Carton Dimension (WxDxH) (cm)	63 x 14.2 x 50.8
	Outer Carton Dimension (WxDxH) (cm)	64.8 x 16 x 53.8
	Weight (Gross kg)	7.8
Barcode Info	EAN	4711377259279